

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**  
*V/v xác định cha cho con*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Việt Cường.*

*Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Tuyền.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh - Kiểm sát viên.*

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc “Xác định cha cho con”. Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân gia đình số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*\* Những người yêu cầu:*

- Chị **Phạm Thị N**, SN 1994;

Đăng ký HKTT, trú tại: thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Anh **Trần Đức H**, SN 1989;

Đăng ký HKTT, trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu **Trần Đức Anh T** (Tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023).

Người giám hộ cho cháu Trần Đức A T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1):  
Chị Phạm Thị N, SN 1994.

Đều trú tại: thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Anh **Phạm Năng T2**, SN 1987.

Đăng ký HKTT, trú tại: thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:**

1. *Tại Đơn yêu cầu, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người yêu cầu chị Phạm Thị N trình bày: Vào năm 2012, chị kết hôn với anh Phạm Năng T2, sinh năm 1987 là người ở thôn L, xã Đ, huyện K, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đ. Tuy nhiên vợ chồng chung sống bình thường được khoảng vài năm đã phát sinh mâu thuẫn vì thương con nên chị vẫn cố gắng chung sống với anh T2. Đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng chị sống ly thân nhau, mỗi người một nơi không quan tâm chăm sóc nhau. Anh T3 đi làm ăn, thỉnh thoảng chỉ gọi điện về hỏi thăm con cái, một mình chị ở nhà phải lo toan gánh vác mọi chuyện. Do vậy nhiều lúc chị cảm thấy rất mệt mỏi và yếu đuối, đến khoảng cuối năm 2022 chị có quen biết, quan hệ bạn bè*

với anh Trần Đức H, sinh năm 1989 là người ở thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Anh H khi đó cũng đã có vợ nhưng gia đình cũng không được hạnh phúc, vợ chồng cũng đang sống ly thân nhau. Do có sự đồng cảm trong cuộc sống nên giữa chị và anh H có phát sinh tình cảm và đã có quan hệ với nhau. Sau đó, cả hai xác định đều vẫn chưa làm thủ tục ly hôn dứt điểm với người vợ và người chồng của mình nên anh H và chị chấm dứt quan hệ. Tuy nhiên khi chấm dứt quan hệ với anh H thì chị phát hiện đã mang thai với anh H nhưng chị cũng không nói cho anh H, khi chị sinh con ra thì đặt tên dự sinh cho cháu là Phạm Đức T1, sinh ngày 02/6/2023.

Đến năm 2024, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T3 không còn nên chị đã tìm gặp anh T3 để nói chuyện về tình trạng hôn nhân của vợ chồng và hai bên đã thống nhất đến Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu làm Đơn đề nghị yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn và nuôi con chung. Tuy nhiên khi giải quyết vụ việc thì chị và anh T3 đều chỉ khai vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Năng L, sinh ngày 07/10/2012; cháu Phạm Thị L1, sinh ngày 24/9/2017; cháu Phạm Năng T4, sinh ngày 13/7/2019. Chị không khai ra cháu Phạm Đức T1 vì cháu T1 không phải là con chung của chị và anh T3 mà là con chung của chị và anh H. Do vậy theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2024 của TAND huyện Khoái Châu công nhận chị và anh T3 có 03 con chung và giao cả 03 con chung cho chị nuôi dưỡng.

Đến nay, chị đã nói chuyện với anh T3 về sự ra đời của cháu Phạm Đức T1, anh T3 cũng không trách vì khi đó chị và anh T3 mâu thuẫn quá căng thẳng, sống ly thân nhau. Bản thân chị cũng muốn cháu T1 được chính bố đẻ của cháu công nhận, do vậy chị đã liên lạc với anh H và nói về sự ra đời của cháu T1. Đồng thời để chứng minh đó là sự thật thì chị bảo anh H cùng đi xét nghiệm ADN để xác định cho anh H rõ cháu T1 là con của anh H. Khi đó thì anh H cũng bảo với chị là đã ly hôn vợ và anh H đã đồng ý đi làm xét nghiệm ADN. Tháng 7/2023, đã làm thủ tục xét nghiệm ADN tại Công ty TNHH Đ. Kết quả xét nghiệm kết luận cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1) và anh H có quan hệ huyết thống cha - con với xác suất quan hệ là 99,9999%.

Chị và anh H muốn làm thủ tục khai sinh cho cháu Trần Đức Anh T (tên trên giấy chứng sinh: Phạm Đức T1). Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết xác định anh Trần Đức H, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT, trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội là cha của cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023.

2. *Tại Biên bản lấy lời khai của anh Trần Đức H trình bày:* Vào năm 2022 thì bản thân tôi có quen biết, quan hệ bạn bè với chị Phạm Thị N. Qua lời tâm sự của chị N thì tôi được biết chị N đã có chồng con nhưng vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, không nhìn mặt nhau và đã sống ly thân nhau từ năm 2020. Bản thân tôi khi đó cũng đã có vợ nhưng gia đình cũng không được hạnh phúc, vợ chồng cũng đang sống ly thân nhau. Do có sự đồng cảm trong cuộc sống nên giữa tôi và chị N có phát sinh tình cảm và đã có quan hệ với nhau. Sau đó, cả hai xác định đều vẫn chưa làm thủ tục ly hôn dứt điểm với người vợ và người chồng của mình nên tôi và chị N đã chấm dứt quan hệ.

Vào khoảng tháng 6/2023 thì chị N có liên lạc với tôi và nói về sự ra đời của cháu Phạm Đức T1. Chị N cũng kể chị và chồng chị đã làm thủ tục ly hôn nhau, tuy cháu Tâm sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị N và anh T3 nhưng chị N không khai ra cháu T1 vì cháu T1 không phải là con chung của chị N và anh T3.

Chị N có bảo tôi cùng đi xét nghiệm ADN để xác định xem cháu T1 có phải con của tôi hay không. Khi đó thì tôi cũng chia sẻ với chị N là tôi cũng đã ly hôn vợ và tôi đã đồng ý đi làm xét nghiệm ADN. Tháng 7/2023, chúng tôi đã làm thủ tục xét nghiệm ADN tại Công ty TNHH Đ. Kết quả xét nghiệm kết luận cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1) và tôi có quan hệ huyết thống cha - con với xác suất quan hệ là 99,9999%.

Nay tôi và chị N muốn làm thủ tục khai sinh cho cháu Trần Đức Anh T (tên trên giấy chứng sinh: Phạm Đức T1). Do vậy chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết xác định tôi - Trần Đức H, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT, trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội là cha của cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023.

3. *Tại Biên bản lấy lời khai của anh Phạm Năng T2 trình bày:* Vào năm 2012 tôi kết hôn với chị Phạm Thị N, sinh năm 1994 là người ở thôn C, xã Đ. Tuy nhiên vợ chồng chung sống bình thường được khoảng vài năm đã phát sinh mâu thuẫn, đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng tôi sống ly thân nhau, mỗi người một nơi không quan tâm chăm sóc nhau. Tôi đi làm ăn, thỉnh thoảng chỉ gọi điện về hỏi thăm con cái. Đến năm 2024 tôi và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã thống nhất đến Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu làm Đơn đề nghị yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn và nuôi con chung. Khi giải quyết vụ việc thì tôi và chị N đều chỉ khai vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Năng L, sinh ngày 07/10/2012; cháu Phạm Thị L1, sinh ngày 24/9/2017; cháu Phạm Năng T4, sinh ngày 13/7/2019. Do vậy theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2024 của TAND huyện Khoái Châu công nhận chị N và tôi có 03 con chung và giao cả 03 con chung cho chị N nuôi dưỡng.

Đến nay, chị N có nói chuyện với tôi về sự ra đời của cháu Phạm Đức T1. Tuy nhiên tôi cũng không trách chị N vì khi đó tôi và chị N mâu thuẫn quá căng thẳng và sống ly thân nhau, chị N yếu lòng và để xảy ra sự việc như vậy cũng là điều nên thông cảm.

Chị N cũng bảo giữa cháu T1 và bố đẻ là anh Trần Đức H đã đi làm xét nghiệm AND. Kết quả xét nghiệm kết luận cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1) và anh H có quan hệ huyết thống cha - con với xác suất quan hệ là 99,9999%.

Bản thân tôi cũng xác định cháu T1 không phải là con chung của tôi và chị N vì chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến khi làm thủ tục ly hôn nhau, hai bên không hề gặp gỡ hay quan hệ tình cảm.

Nay chị N và anh H muốn làm thủ tục khai sinh cho cháu Trần Đức Anh T (tên trên giấy chứng sinh: Phạm Đức T1) và làm Đơn đề nghị Tòa án giải quyết xác định anh Trần Đức H, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT, trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội là cha của cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1),

sinh ngày 02/6/2023 thì quan điểm của tôi là đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của chị N anh H theo quy định của pháp luật.

4. *Tại Công văn số 8102024/CV.GP ngày 08/10/2024 và Phiếu kết quả phân tích ADN số 231360IG/DNA, ngày 28/7/2024 của Công ty TNHH Đ đã kết luận anh Trần Đức H với người có tên cháu Trần Đức A T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023 có quan hệ huyết thống cha - con với độ tin cậy > 99,9999%. Về trình tự, thủ tục thực hiện xét nghiệm quan hệ huyết thống cha - con giữa anh H, cháu T (T1) được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp đã tuân thủ đúng theo pháp luật. Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 10 Điều 29, 35, 149, 367, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 88, 90, 91, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 36, 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị N và anh Trần Đức H, xác định anh Trần Đức H, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT, trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội là cha đẻ của cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:*

Ngày 13/9/2024 chị Phạm Thị N, anh Trần Đức H có đơn yêu cầu xác định anh Trần Đức H, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT, trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội là cha đẻ của cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023. Chị N có nơi Đăng ký HKTT, trú tại: thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Do vậy đây là việc Hôn nhân gia đình về yêu cầu xác định cha cho con, theo quy định tại khoản 10 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 01/10/2024 Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý đơn yêu cầu, đến ngày 15/10/2024, Tòa án ra quyết định mở phiên họp. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết việc hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết việc Hôn nhân gia đình và tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu chị Phạm Thị N, anh Trần Đức H người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Năng T2 đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên họp vắng mặt theo quy định.

[2] *Về nội dung:*

Chị N và anh T2 được UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn ngày 04/3/2012. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2024. Về con chung: Tòa án xác định giữa chị N và anh T2 trong thời kỳ hôn nhân có 03 con chung là cháu Phạm Năng L, sinh ngày 07/10/2012; cháu Phạm Thị L1, sinh ngày 24/9/2017; cháu Phạm Năng T4, sinh ngày 13/7/2019 và giao cả 03 con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Lý do chị N không khai báo việc cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023 là con chung vợ chồng, mặt khác chị N chưa làm thủ tục khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền nên Tòa án không nắm được, không xem xét, giải quyết.

Chị N và anh H đều khai nhận hai bên có quen biết và quan hệ tình cảm dẫn đến việc chị N có thai và sinh ra cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023. Sau khi anh H phát hiện chị N chưa ly hôn chồng là anh T2 nên hai bên đã chấm dứt quan hệ, sau đó chị N phát hiện chị đã mang thai với anh H. Chị N có nói chuyện với anh T2 về sự ra đời của cháu Phạm Đức T1. Tuy nhiên anh T2 cũng không trách chị vì khi đó giữa chị N và anh T2 mâu thuẫn quá căng thẳng và sống ly thân nhau, chị N yếu lòng và dễ xảy ra sự việc như vậy cũng là điều nên thông cảm. Chị N và anh T2 đều khẳng định cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1) không phải là con chung giữa chị N với anh T2. Mặt khác căn cứ vào Công văn số 8102024/CV.GP ngày 08/10/2024 và Phiếu kết quả phân tích ADN số 231360IG/DNA, ngày 28/7/2024 của Công ty TNHH Đ đã kết luận anh Trần Đức H với người có tên cháu Trần Đức A T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023 có quan hệ huyết thống cha - con với độ tin cậy > 99,9999%. Về trình tự, thủ tục thực hiện xét nghiệm quan hệ huyết thống cha - con giữa anh H, cháu T (T1) được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Tòa án nhận thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị N xác định anh Trần Đức H là cha đẻ của cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1).

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 10 Điều 29, 35, 149, 367, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 88, 90, 91, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 36, 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị N: Xác định anh Trần Đức H, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT, trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội là cha đẻ của cháu Trần Đức Anh T (tên trên Giấy chứng sinh: Phạm Đức T1), sinh ngày 02/6/2023; giới tính: Nam, Giấy chứng sinh số: BA230601018 ngày 02/6/2023 do Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương cấp.

Chị Phạm Thị N, anh Trần Đức H được quyền đến cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để làm thủ tục về hộ tịch cho con theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Chị Phạm Thị N tự nguyện nộp cả 300.000đ lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002264

ngày 26/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị N đã nộp đủ lệ phí việc Hôn nhân gia đình.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu chị Phạm Thị N, anh Trần Đức H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Năng T2 vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được tổng đạt họp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- UBND xã Đại Tập;
- Người yêu cầu;
- Người liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Việt Cường**